TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
KHOA LUẬT

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT
Mã ngành: 7380101

Lưu ý:

1. Chương trình đào tạo chuẩn: 120 tín chỉ. Số tín chỉ thực tế học sẽ được giảm khi có môn được miễn

2. Đối với người có bằng Đại học, Cao đẳng: Thông thường được miễn từ 20-23 tín chỉ

3. Số tín chỉ miễn càng nhiều thì thời gian học càng được rút ngắn

4. Sau khi tốt nghiệp tại trường Đại học Mở Hà Nội sẽ được xét tuyển thẳng (với điều kiện tốt nghiệp trong vòng 2 năm) lên học Thạc sỹ cùng ngành nếu người học có nhu cầu

5. Đối với những sinh viên từng học tại trường Đại học Mở Hà Nội nhưng vì nhiều lý do đã bỏ giữa chừng thì có thể xin bảng điểm trước đây để xin miễn môn đối với những học phần đã từng học (không quá 50% số tín chỉ phải học)

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			Các học phần dự kiến được miễn
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do	
I	**KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**26**				
1	Triết học Mác-Lênin	K1.GDĐC	3	X			**Chắc chắn được miễn với người có bằng ĐH, CĐ, Lý luận chính trị**
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K1.GDĐC	2	X			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K1.GDĐC	2	X			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K1.GDĐC	2	X			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K1.GDĐC	2	X			
6	Tin học đại cương	K1.GDĐC	3	X			Các học phần được miễn căn cứ trên bảng điểm
7	Tiếng Anh cơ bản 1	K1.GDĐC	3	X			
8	Tiếng Anh cơ bản 2	K1.GDĐC	3	X			
9	Tiếng Anh cơ bản 3	K1.GDĐC	3	X			
10	Soạn thảo văn bản hành chính	K1.GDĐC	3	X			

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			Các học phần dự kiến được miễn
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do	
II	**KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH**		**76**				
II.1	**Cơ sở nhóm ngành**		**18**				
	Học phần bắt buộc		**8**				
11	Lịch sử nhà nước và pháp luật	K4.CSNN	3	X			
12	Luật an sinh xã hội	K4.CSNN	3	X			
13	Kỹ năng nghề luật	K4.CSNN	2	X			
	Học phần tự chọn		**10**				
14	Đại cương văn hóa Việt Nam	K4.CSNN	3		X		Các học phần có thể được miễn căn cứ trên bảng điểm
15	Logic học	K4.CSNN	3		X		
16	Tâm lý học đại cương	K4.CSNN	3		X		
17	Xã hội học	K4.CSNN	3		X		
18	Xã hội học pháp luật	K4.CSNN	3		X		
19	Luật Ngân hàng	K4.CSNN	3		X		
20	Luật Thương mại quốc tế	K4.CSNN	3		X		
21	Phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng nghiên cứu luật	K4.CSNN	3		X		
22	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	K4.CSNN	3		X		
23	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	K4.CSNN	3		X		
24	Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán	K4.CSNN	3		X		
25	Luật Đầu tư	K4.CSNN	3		X		
26	Luật Môi trường	K4.CSNN	3		X		
27	Pháp luật về Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	K4.CSNN	3		X		
28	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	K4.CSNN	3		X		
29	Pháp luật môi trường trong hội nhập quốc tế	K4.CSNN	3		X		

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			Các học phần dự kiến được miễn
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do	
30	Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài	K4.CSNN	3		X		
31	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng dân sự	K4.CSNN	2		X		
32	Kỹ năng giao tiếp nghề luật	K4.CSNN	2		X		
33	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	K4.CSNN	2		X		
34	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	K4.CSNN	2		X		
35	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	K4.CSNN	2		X		
36	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	K4.CSNN	2		X		
II.2	**Cơ sở ngành**		**58**				
37	Tiếng Anh pháp lý	K5.CSN	3	X			
38	Lý luận nhà nước và pháp luật	K5.CSN	3	X			Các học phần có thể được miễn căn cứ trên bảng điểm
39	Luật Hiến pháp Việt Nam	K5.CSN	3	X			
40	Luật Hành chính Việt Nam	K5.CSN	3	X			
41	Luật Hình sự Việt Nam 1	K5.CSN	3	X			
42	Luật Hình sự Việt Nam 2	K5.CSN	3	X			
43	Luật Tố tụng hình sự Việt Nam	K5.CSN	3	X			
44	Luật Dân sự Việt Nam 1	K5.CSN	3	X			
45	Luật Dân sự Việt Nam 2	K5.CSN	3	X			
46	Luật Hôn nhân và gia đình	K5.CSN	3	X			
47	Luật Tố tụng dân sự Việt Nam	K5.CSN	3	X			
48	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	K5.CSN	3	X			
49	Pháp luật về hoạt động thương mại	K5.CSN	3	X			
50	Luật Lao động Việt Nam	K5.CSN	3	X			
51	Luật Tài chính	K5.CSN	3	X			

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			Các học phần dự kiến được miễn
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do	
52	Luật Đất đai	K5.CSN	3	X			
53	Công pháp quốc tế	K5.CSN	3	X			
54	Tư pháp quốc tế	K5.CSN	3	X			
55	Thực tập định hướng nghề nghiệp 1	K5.CSN	2	X			
56	Thực tập định hướng nghề nghiệp 2	K5.CSN	2	X			
III	**KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**		**8**				
57	Luật học so sánh	K6.CN	3		X		
58	Luật sư, công chứng, chứng thực	K6.CN	3		X		
59	Luật thi hành án dân sự	K6.CN	3		X		
60	Luật Tố tụng hành chính	K6.CN	3		X		
61	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	K6.CN	3		X		
62	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	K6.CN	3		X		
63	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	K6.CN	2		X		
64	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực thương mại	K6.CN	2		X		
65	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	K6.CN	2		X		
66	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	K6.CN	2		X		
67	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	K6.CN	2		X		
68	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	K6.CN	2		X		
69	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	K6.CN	2		X		
70	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	K6.CN	2		X		

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			Các học phần dự kiến được miễn
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do	
IV	**TỐT NGHIỆP**		**10**				
71	Thực hành nghề nghiệp	K8.TN	3	X			
72	Khóa luận tốt nghiệp	K8.TN	7	X			
TỔNG CỘNG			**120**				